

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/BC-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Ngày: 18.10.2025

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới và Công văn số 3252/UBXH15 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban Xã hội của Quốc hội về việc báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024, Chính phủ báo cáo với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện**

Để thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác bình đẳng giới, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là bộ, ngành, địa phương) tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024¹: Tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; tổ chức triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; huy động, bố trí nguồn lực; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong công tác bình đẳng giới. Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng Kế hoạch và triển khai công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2024.

2. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a). Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới, lồng ghép giới được Chính phủ thực hiện nghiêm túc trên nhiều lĩnh vực, cụ thể:

Ngày 24 tháng 11 năm 2024 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW

¹ Công văn số 1303/LĐTĐ-BĐG ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới như: Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 50% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030; Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030; 100% tỷ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội vào năm 2030; Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản đạt 80% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn đạt 50 % vào năm 2025 và 70 % vào năm 2030; Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đạt 70% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030; Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt trên 80% vào năm 2025. Một số dự án Luật, Chương trình về bình đẳng giới cũng đã được đưa vào nhiệm vụ triển khai Nghị quyết như: Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới dự kiến trình Quốc Hội năm 2027; Đề án nghiên cứu, xây dựng Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026-2030.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2024 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024-2030. Mục tiêu chung nhằm bảo đảm và thúc đẩy hơn nữa bình đẳng giới; nâng cao vai trò, vị thế, tiếng nói, quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của phụ nữ trong tham gia các lĩnh vực hòa bình, an ninh; tăng cường sự tham gia đầy đủ, bình đẳng, có ý nghĩa của phụ nữ Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và xử lý, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống của quốc gia, cũng như trong gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế; Phòng ngừa và ứng phó tốt hơn với bạo lực trên cơ sở giới trong bối cảnh sự cố, thảm họa và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; Tăng cường lồng ghép giới trong hoạt động cứu trợ và phục hồi; Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Phụ nữ, hòa bình và an ninh.

Để đạt được mục tiêu trên, Chương trình đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như: Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực hoà bình, an ninh; Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, đồng thời, nâng cao năng lực và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tham gia giải quyết các vấn đề hoà bình, an ninh quốc tế; tích cực thúc đẩy và tham gia các sáng kiến, giải pháp trong khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương về Phụ nữ, hòa bình và an ninh; tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình, an ninh.

Việc thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện.

Bộ Tư pháp xây dựng Bộ Tài liệu và hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, cán bộ làm công tác pháp chế tại các bộ, ngành². Trong quá trình thẩm định, thành phần của Hội đồng đã bảo đảm tỷ lệ về giới tính, có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới, một số cơ quan, tổ chức có liên quan như: Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các chuyên gia giới, đặc biệt là Nhóm chuyên gia giới và Nhóm chuyên gia xây dựng danh mục về tiêu chí đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Năm 2024, Bộ Tư pháp đã tham gia thẩm định các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp luôn đề nghị các đơn vị trực tiếp xây dựng văn bản thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nếu chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia. Cụ thể đã ban hành hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025 trong đó có nội dung lồng ghép về bình đẳng giới³.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành các văn bản thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2024 trong đó có các nội dung tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, không phân biệt đối tượng vay, góp phần cải thiện bình đẳng giới ở Việt Nam; tổ chức tín dụng tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, nâng cao chất lượng tín dụng, đặc biệt đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ nông thôn tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, nâng cao vai trò của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế - xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa phụ nữ nông thôn và phụ nữ thành thị⁴.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030

Chính phủ chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện⁵ về nội dung truyền thông về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Xây dựng

² Báo cáo số 614/BC-VSTBPN ngày 31/12/2024 của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp.

³ Văn bản số 4487/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

⁴ Báo cáo số 12/BC-NHNN ngày 16/01/2025 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

⁵ Công văn số 1303/LĐT BXH-BĐG ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

kế hoạch, tổ chức thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024 thiết thực, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của bộ, ngành, địa phương.

Theo số liệu thống kê từ các bộ, ngành, địa phương, công tác truyền thông về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ đạt kết quả như sau: (i) 91.269 lượt tin, bài được sản xuất, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; (ii) hơn 2.638.423 tờ rơi, sản phẩm truyền thông; (iii) 45.419 cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, sự kiện truyền thông; (iv) với tổng số hơn 9.274.613 lượt người tham gia.

Trong hoạt động truyền thông theo chiến dịch, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Hướng dẫn và Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (Tháng hành động) năm 2024⁶. Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và nhiều bộ, ngành đã xây dựng kế hoạch và triển khai Tháng hành động với nhiều hoạt động ý nghĩa, đa dạng và có sức lan tỏa lớn. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Công an và Cơ quan của Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) tổ chức Lễ phát động Tháng hành động năm 2024. Lễ phát động thu hút sự tham dự của gần 1.000 đại biểu từ trung ương đến địa phương và đại diện các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan, doanh nghiệp, người lao động.

Bộ Công an, 100% cán bộ, chiến sỹ, công nhân, người lao động hợp đồng, học viên được truyền thông về bình đẳng giới, 100% công an địa phương, đơn vị có ít nhất 02 tin bài đưa tin về bình đẳng giới trên hệ thống báo chí, truyền thông, cổng thông tin điện tử.⁷

Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho đội ngũ chuyên gia xây dựng chương trình, sách giáo khoa và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh dưới nhiều hình thức: lồng ghép trong môn học, xây dựng chuyên đề, tổ chức cuộc thi, giao lưu có lồng ghép nội dung bình đẳng giới cho phù hợp với lứa tuổi.⁸

Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam chú trọng, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo, đài phát thanh, truyền hình, truyền thông, nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới; yêu cầu các báo, đài tăng lượng bài viết, chương trình đặc biệt xây dựng những ấn phẩm chuyên đề để tuyên truyền về phụ nữ và bình đẳng giới; đã xây dựng các tuyến bài, chuyên trang, chuyên mục nội dung tuyên truyền phù hợp góp phần tác động điều chỉnh hành vi xã hội đối với vấn đề bình đẳng giới.

⁶ Công văn số 4893/BLĐTBXH-VBĐG ngày 10/10/2024 về việc hướng dẫn triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024.

⁷ Báo cáo số 74/BC-BCA-X03 ngày 09/1/2025 của Bộ Công an.

⁸ Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các đài phát thanh, truyền hình đã tổ chức xây dựng các chuyên đề, chuyên mục⁹. Một số đài địa phương như Quảng Nam, An Giang, Lai Châu, Điện Biên, Đắk Nông, Kon Tum,... còn có chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc: 100% các Đài PTTH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các chuyên mục, chương trình về phụ nữ và bình đẳng giới; 100% xã, phường, thị trấn các tỉnh, thành thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tuyên truyền về bình đẳng giới; trên 95% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống đài truyền thanh xã.

Bộ Quốc phòng đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong và ngoài Quân đội. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Bộ Quốc phòng tổ chức ba sự kiện cấp toàn quân: Vận động sáng tác và triển lãm tranh về đề tài bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới năm 2024, thu hút hơn 3.000 tác giả với gần 4.000 tranh tham gia cấp cơ sở và trên cơ sở; 1.950 tranh dự thi cấp trực thuộc Quân ủy - Bộ Quốc phòng; 700 tác phẩm dự thi cấp toàn quân; trong đó, 115 tác phẩm xuất sắc nhất được trưng bày triển lãm và trao thưởng; Truyền thông hưởng ứng “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” trong Quân đội thu hút trên 300 đại biểu tham dự; trong đó, kịp thời cập nhật, tuyên truyền về “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam”, chú trọng nhấn mạnh những nội dung sửa đổi, bổ sung khẳng định bước tiến mới về bình đẳng giới giữa nam và nữ sĩ quan trong Quân đội chỉ sau 07 ngày kể từ khi Luật được Quốc hội khóa XV thông qua.

- Chương trình Phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025

Chính phủ chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn đến năm 2025 và trong hướng dẫn công tác hằng năm¹⁰, hướng dẫn việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới; nghiên cứu xây dựng và vận hành Mạng lưới đối tác hành động về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới để tạo điều kiện cho việc xây dựng Quy chế phối hợp liên ngành trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại địa phương; xây dựng các tài liệu truyền thông, đào tạo, tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho đội cán bộ quản lý nhà nước, nhân viên cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

Bộ Công an đã ban hành các chương trình, kế hoạch liên quan tới công tác bảo vệ phụ nữ, trẻ em; Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền về bạo lực gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Trong năm 2024, công

⁹ Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2024 của bộ Thông tin và Truyền thông

¹⁰ Các Công văn số: 211/LĐTĐ-BHXH-BĐG và số: 212/LĐTĐ-BHXH-BĐG ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Công văn số 1303/LĐTĐ-BHXH-BĐG ngày 29/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

an các đơn vị, địa phương đã tổ chức trên 1.500 buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về gia đình, tổ chức cuộc sống gia đình, văn hóa ứng xử trong gia đình cho phụ nữ, trẻ em. Các đơn vị, cơ quan truyền thông thuộc Bộ Công an đã đăng tải, phát sóng hơn 220 tin, bài, phóng sự; phối hợp với các đơn vị truyền thông xây dựng 07 phóng sự về phòng, chống tội phạm mua bán người và xâm hại trẻ em.¹¹

Công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) tiếp tục được thực hiện theo đúng quy định của Luật TGPL và các đề án, kế hoạch về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025.¹² Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức một số hội nghị, tập huấn nâng cao kỹ năng TGPL trong lĩnh vực tổ tụng dân sự, hình sự cho đội ngũ người thực hiện TGPL trong toàn quốc. Xây dựng tài liệu về hôn nhân trong đó có nội dung kết hôn, quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, ly hôn, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con,... Bên cạnh đó, Bộ tiếp tục chú trọng việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác TGPL trên phạm vi cả nước. Hiện nay, toàn quốc có 707 Trợ giúp viên pháp lý, trong đó 440 Trợ giúp viên pháp lý là nữ (chiếm 62%). Để thực hiện TGPL cho phụ nữ đạt hiệu quả, hầu hết các tổ chức TGPL đã bố trí ít nhất 7-15 viên chức nữ có trình độ chuyên môn, có đủ kinh nghiệm để thực hiện TGPL.

Năm 2024, cả nước đã thụ lý mới 39.641 vụ việc TGPL cho 37.343 lượt người, trong đó quan tâm TGPL cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình và nạn nhân của tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, đặc biệt trong các vụ việc tham gia tố tụng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an tiếp tục hướng dẫn thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.¹³

Đến nay, cả nước có hơn 6.000 mô hình, cơ sở hỗ trợ, cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình với các hình thức hỗ trợ thiết thực, từng bước đáp ứng nhu cầu của người bị bạo lực.

- Chương trình Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030

Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ chủ trì triển khai thực hiện Chương trình với các giải pháp đổi mới, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ gắn với quy hoạch, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý; rà soát, hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới để đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở tất cả các cơ quan có thẩm quyền hoạch định chính sách. Chú trọng bồi dưỡng, tăng cường năng lực đội ngũ công chức, viên chức góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững, đổi mới, tăng cường công

¹¹ Báo cáo số 74/BC-BCA-X03 ngày 09/01/2025 của Bộ Công an.

¹² Báo cáo số 614/BC-VSTBPN ngày 31/12/2024 của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp.

¹³ Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ gắn với quy hoạch, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý; rà soát, hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới để đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở tất cả các cơ quan có thẩm quyền hoạch định chính sách.

- Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” (Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ), nhiều bộ, ngành, địa phương đã ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án với hình thức đa dạng, phong phú (theo báo cáo của 24/53 tỉnh: đã có 387 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực về bình đẳng giới được tổ chức thu hút hơn 30.000 lượt người tham gia; 1.725 hoạt động truyền thông được thực hiện dưới các hình thức như buổi sinh hoạt ngoại khóa, hội thi...; khoảng 90.000 tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích... được phát hành).¹⁴

c) Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia

- Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các địa phương, hiện nay cả nước có 12.786 người làm công tác bình đẳng giới từ cấp tỉnh đến cấp xã (trong đó cán bộ chuyên trách ở cấp tỉnh 168 người, cấp huyện 188 người, cấp xã 984 người; cán bộ kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới cấp xã là 11.446 người). Năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức khoảng gần 3.000 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cho gần 250.000 người tham gia. Điều này cho thấy sự quan tâm của các cấp, ngành trong việc củng cố, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới hiện nay vẫn thiếu về số lượng, cán bộ thường xuyên luân chuyển, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai nhiệm vụ. Công tác bình đẳng giới mang tính chất đặc thù, liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, do đó, cán bộ làm công tác bình đẳng giới ngoài việc nắm vững các chính sách, quy định của pháp luật còn cần am hiểu ở nhiều lĩnh vực, có sự nhạy cảm giới, biết tham mưu lồng ghép giới trong chương trình công tác của bộ, ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

¹⁴ Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024 của Ủy ban Dân tộc

Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Năm 2024 Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiến hành 104 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của Luật lao động tại 104 doanh nghiệp (có lồng ghép nội dung thanh tra về thực hiện chính sách pháp luật đối với lao động nữ) trong đó có 90 kiến nghị đề nghị doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại Khoản 4, Điều 136 Bộ Luật Lao động.

Công đoàn các cấp đã chủ động phối hợp với cơ quan chức năng lồng ghép nội dung, tổ chức hơn 7.000 cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến lao động nữ và trẻ em; chú trọng kiểm tra việc thực hiện những quy định riêng đối với lao động nữ được quy định trong Bộ Luật Lao động và các quy định của pháp luật về Bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, dân số, gia đình và các vấn đề lao động nữ quan tâm, như: việc làm, đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, nâng lương, nâng bậc, chế độ thai sản, hỗ trợ nuôi con nhỏ.

Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam tổ chức 02 Đoàn kiểm tra công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các địa phương Kiên Giang và Cà Mau. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của các bộ, ngành triển khai tốt công tác kiểm tra tại các đơn vị: Trong năm 2024, Ngân hàng nhà nước Việt Nam kiểm tra đối với 08 Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cơ sở về công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Ngân hàng; Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức các đoàn kiểm tra tại 04 đơn vị; Tại các địa phương, theo số liệu báo cáo, năm 2024 có 118 cuộc thanh tra trong đó phát hiện 48 trường hợp vi phạm¹⁵; Có 287 cuộc kiểm tra, trong đó có 30 trường hợp vi phạm chính sách, pháp luật về bình đẳng giới¹⁶.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia

Hiện nay Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu lồng ghép cơ sở dữ liệu thống kê giới vào cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia theo Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 về phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.¹⁷

d) Kinh phí cho công tác bình đẳng giới

Theo số liệu báo cáo của địa phương, kinh phí bố trí cho công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ của các địa phương trong năm 2024 như sau:

- Kinh phí Ngân sách nhà nước: 46.304 triệu đồng

- Kinh phí huy động: 10.464 triệu đồng

¹⁵ Thái Nguyên 14 trường hợp; Bắc Ninh 20 trường hợp; Thanh Hóa 3 trường hợp; Bến Tre 11 trường hợp.

¹⁶ Lai Châu 16 trường hợp, Lạng Sơn 2 trường hợp, Thanh Hóa 12 trường hợp

¹⁷ Báo cáo thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

đ) Hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Trong năm 2024, Chính phủ tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động hợp tác về bình đẳng giới trong khuôn khổ Liên hợp quốc (Ủy ban Địa vị phụ nữ), Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC), cụ thể:

- Tham dự Khóa họp lần thứ 68 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc (CSW 68) tại New York, Hoa Kỳ về nội dung “Tăng tốc thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em thông qua thoát nghèo và tăng cường thể chế và tài chính với góc nhìn từ khía cạnh giới”.

- Xây dựng Báo cáo quốc gia 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam theo yêu cầu của Liên hợp quốc để phục vụ kiểm điểm toàn cầu vào năm 2025.

- Tham dự Hội nghị Bộ trưởng khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về đánh giá 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Băng-cốc, Thái Lan

- Thực hiện nghĩa vụ thành viên Diễn đàn Hợp tác kinh tế khu vực châu Á – Thái Bình Dương (APEC):

Tham dự theo nghĩa vụ thành viên Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế - Đối thoại chính sách cấp cao về Phụ nữ và Kinh tế APEC và Phiên họp chung với các Bộ trưởng thương mại APEC tại Pé-ru về chủ đề “Trao quyền – toàn diện và tăng trưởng”.

Thực hiện các nghĩa vụ thành viên Nhóm Đối tác chính sách về phụ nữ và kinh tế APEC (PPWE): Tham gia xây dựng Tuyên bố của các Bộ trưởng về Phụ nữ và Kinh tế APEC, Tuyên bố chung của các Bộ trưởng Phụ nữ và Bộ trưởng Thương mại APEC và các văn kiện chủ chốt khác của Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế 2024; tham gia chuẩn bị nội dung, góp ý các văn kiện của Tuần lễ cấp cao APEC 2024.

- Thực hiện nghĩa vụ thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN):

Tham gia góp ý xây dựng Kế hoạch chiến lược của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sau năm 2025 và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2045; Tuyên bố và Hướng dẫn triển khai của ASEAN về Tăng cường nền kinh tế chăm sóc và khả năng tự cường hướng tới Cộng đồng ASEAN sau năm 2025; Bảng hỏi thuộc Hướng dẫn ASEAN về lồng ghép giới trong các chính sách lao động và việc làm hướng tới việc làm bền vững; Kế hoạch hỗ trợ các nền kinh tế ASEAN trong việc xây dựng các điều khoản về kinh tế bao trùm trong Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Canada...

- Công tác đảm bảo nhân quyền:

Xây dựng Báo cáo trả lời các vấn đề Ủy ban về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW) quan tâm đối với Báo cáo quốc gia lần

thứ 9 giai đoạn 2015 – 2019 về tình hình thực hiện Công ước CEDAW để đệ trình lên Ủy ban CEDAW theo nghĩa vụ.

Tổ chức Đoàn bảo vệ Báo cáo quốc gia theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UPR) chu kỳ IV.

Xây dựng Báo cáo cho Báo cáo viên đặc biệt về quyền phát triển của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc; Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) lần thứ tư; Báo cáo tình hình thực hiện Công ước về các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá (ICESCR); Báo cáo lần thứ I về tình hình thực hiện Công ước về quyền của người khuyết tật.

- Huy động nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới: Chính phủ tiếp tục tăng cường, chủ động phối hợp với các đối tác quốc tế để huy động nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới.

- Tiếp tục thúc đẩy hợp tác về bình đẳng giới tại các diễn đàn đa phương (Chương trình hợp tác tiểu vùng Mê-Kông mở rộng _GMS), Tiểu ban Quản trị tốt Việt Nam - EU) và trong khuôn khổ hợp tác song phương với các nước (Bangladesh, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand...)

- Tham gia, hỗ trợ các đối tác trong các nghiên cứu, báo cáo quốc tế về bình đẳng giới: Nghiên cứu cơ sở của Kế hoạch hành động ASEAN về Phụ nữ, hòa bình và an ninh; Sách trắng EuroCham 2024 trong lĩnh vực bình đẳng giới; Báo cáo về Bình đẳng giới tại khu vực Đông Nam Á năm 2024 - SIGI 2024 của Trung tâm phát triển OECD.

Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới của Chính phủ đã góp phần mang lại nhiều kết quả tích cực cho công tác bình đẳng giới, nâng cao vai trò, uy tín và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Ngày 9/4/2024, Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC) nhất trí bầu Việt Nam vào Hội đồng chấp hành UN Women nhiệm kỳ 2025-2027. Với việc được bầu vào Hội đồng Chấp hành, kể từ tháng 1/2025 đến hết năm 2027, Việt Nam sẽ tham gia điều phối xây dựng và triển khai các định hướng lớn của UN Women, bảo đảm các chiến lược và hoạt động của cơ quan này nhất quán với các mục tiêu và chính sách tổng thể của Liên hợp quốc về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Là thành viên của Hội đồng Chấp hành, Việt Nam cũng sẽ tham gia vào quá trình phê duyệt các kế hoạch, chương trình hoạt động cũng như các quyết định về hành chính, tài chính và ngân sách của UN Women. Việc tất cả thành viên ECOSOC đồng thuận bầu Việt Nam vào Hội đồng Chấp hành UN Women thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của cộng đồng quốc tế đối với các chính sách, thành tựu về thúc đẩy bình đẳng giới và nỗ lực hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC NĂM 2023

1. Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị

Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ

Theo số liệu báo cáo tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu này đạt được như sau:

- Tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ là 14/30 cơ quan, đạt 46,67% (bằng với năm 2023). Trong đó:

+ Tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ có nữ lãnh đạo chủ chốt là nữ là 13/22 (đạt 59%) và không thay đổi so với năm 2023.

Tỷ lệ các cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ là 1/8 cơ quan (đạt 12,5% và bằng với năm 2023).

- Theo số liệu báo cáo của các địa phương, đến thời điểm 31/12/2024 có 48/63 (76%,) chính quyền địa phương cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ (tăng 2% so với năm 2023 và vượt chỉ tiêu đề ra); tỷ lệ chính quyền địa phương cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ là 44,56%; tỷ lệ chính quyền địa phương cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ là 46,58%.

2. Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- *Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.*

Năm 2024, số lao động nữ có việc làm khoảng 24,2 triệu người, chiếm 46,6% lao động có việc làm cả nước) trong đó số lao động nữ làm công hưởng lương khoảng 50,9%.¹⁸ Như vậy, chỉ tiêu này đến năm 2024 đã đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

- *Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.*

Năm 2024, tỷ lệ động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 25,5 % tổng số lao động nữ có việc làm)¹⁹. Như vậy chỉ tiêu này đã đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025 và tiệm cận với mục tiêu đề ra đến năm 2030.

- *Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*

Chỉ tiêu này được công bố 05 năm/lần từ Tổng điều tra kinh tế. Đến nay tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã là 28,2%. (Tổng điều tra kinh tế năm 2021), đạt mục tiêu của Chiến lược đến năm 2025.²⁰

3. Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- *Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.*

Theo kết quả sơ bộ từ điều tra Lao động việc làm năm 2024, số giờ trung

¹⁸ Báo cáo của Bộ kế hoạch và Đầu tư về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024

¹⁹ Báo cáo của Bộ kế hoạch và Đầu tư về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024.

²⁰ Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024.

bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của nữ giới là 15,5 giờ/tuần, nam giới là 8,6 giờ/tuần số giờ trung bình của phụ nữ gấp 1,8 lần so với nam giới (so với năm 2023 thì thời gian làm việc nhà của cả nữ và nam trong năm 2024 đều giảm, trong đó thời gian làm việc nhà của nữ giới giảm nhiều hơn so với nam giới, năm 2023 nữ làm 16,13 giờ/tuần, nam làm 8,75 giờ/tuần); Với xu hướng này, chỉ tiêu này có thể đạt mục tiêu như Chiến lược đề ra vào năm 2025.²¹

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

Theo số liệu tổng hợp, năm 2024 có 2.194 hộ xảy ra bạo lực gia đình với tổng số 2.303 vụ (năm 2023 là 3.240 vụ). Trong tổng số vụ bạo lực gia đình, bạo lực tinh thần là hình thức bạo lực xảy ra nhiều nhất với 1.058 vụ, tiếp đến là bạo lực thân thể 1.037 vụ, bạo lực kinh tế 153 vụ và bạo lực tình dục 65 vụ. Có 2.256 nạn nhân của bạo lực gia đình, trong đó: nạn nhân nữ là 1.976 người, chiếm 87,6% (năm 2023 là 2.628 người, chiếm 82,3%); nạn nhân là nam giới là 280 người, chiếm 12,4%, năm 2023 là 565 người, chiếm 17,7%.²² Như vậy, so với năm 2023 số vụ và số nạn nhân của bạo lực gia đình đều giảm. Năm 2024 có 2486 nạn nhân bị bạo lực nhận được một trong các dịch vụ cơ bản.

Năm 2024, tổng số người gây bạo lực gia đình là 2.246 người (năm 2023 là 3.208 người), trong đó nam giới là 1.991 người chiếm (88,6%), nữ giới là 255 người chiếm (11,4%). Số người gây bạo lực gia đình bị chịu các hình thức xử lý là 2.146/2.246 người (95,5%), trong đó biện pháp chủ yếu là góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư (1.643 người, chiếm 76,7%); áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc 76 người; Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã/phường/thị trấn 118 người; xử phạt vi phạm hành chính 203 người; xử lý hình sự 106 người. Chỉ tiêu này đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

Năm 2024 có 2.486 lượt nạn nhân trên tổng số 2.256 nạn nhân bị bạo lực gia đình nhận được một trong các dịch vụ cơ bản. Nội dung này đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

Theo số liệu báo cáo của các địa phương, khoảng 81,4% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn, vượt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

²¹ Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024.

²² Báo cáo của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024.

Trong năm 2024 có 327 người được tiếp nhận xác minh trong đó xác nhận 255 người là nạn nhân của mua bán người (163 người là nữ, 92 người là nam giới). Trên cơ sở nhu cầu của nạn nhân các lực lượng chức năng đã hỗ trợ cho 207 người (bao gồm cả những nạn nhân trở về từ năm trước và những người nghi là nạn nhân).²³ Như vậy, 100% nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ đều được hưởng các dịch vụ hỗ trợ.

- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Hiện nay cả nước có 425 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở trợ giúp xã hội công lập²⁴. 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập đều triển khai nhiệm vụ trợ giúp cho đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động theo quy định²⁵. Đến nay, cả nước có khoảng trên 235.000 người làm công tác xã hội, trong đó có trên 35.000 công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở xã hội công lập và ngoài công lập, gần 100.000 người làm việc tại các hội, đoàn thể các cấp (Phụ nữ, thanh niên, hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi, mặt trận tổ quốc, hội nông dân, liên đoàn lao động, cựu chiến binh); khoảng 100.000 cộng tác viên giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình,... tạo thành mạng lưới cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và người có hoàn cảnh khó khăn ở các cơ sở và cộng đồng, trong đó bao gồm nạn nhân bị bạo lực gia đình.

4. Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 do Tổng cục Thống kê công bố, tỷ số giới tính khi sinh năm 2024, là 111,4 trẻ trai/100 trẻ gái sinh ra sống, phần đầu đạt mục tiêu đề ra vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

Tỷ số tử vong mẹ được Chính phủ giao Tổng cục thống kê công bố 10 năm một lần dựa trên kết quả Tổng Điều tra dân số và nhà ở. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy tỷ số tử vong mẹ ở Việt Nam là 46/100.000 trẻ đẻ sống, giảm mạnh so với mức 69/100.000 trẻ đẻ sống năm 2009. Tuy hàng năm không có số liệu chính thức về tỷ số tử vong mẹ nhưng qua theo dõi số ca tử vong mẹ được báo cáo trong hệ thống thống kê y tế cho thấy xu hướng tử vong

²³ Công văn số 25/CPCTNXH-VP ngày 20/01/2025 của Cục Phòng chống tệ nạn xã hội

²⁴ Công văn số 24/CBCTXH-CTXH ngày 15/01/2025 của Cục Bảo trợ xã hội

²⁵ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

mẹ tiếp tục giảm trong những năm vừa qua và ước năm 2024 còn khoảng 43/100.000 trẻ đẻ sống, phấn đấu đạt mục tiêu đề ra vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.

Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFRs) mô tả mô hình sinh theo tuổi, được biểu thị bằng số con sinh ra sống trên 1.000 phụ nữ trong nhóm độ tuổi nhất định. Năm 2024 chưa có thống kê riêng về tỷ suất sinh ở vị thành niên. Theo kết quả Điều tra Dân số giữa kỳ 2024 (Tổng cục Thống kê), tỷ suất sinh ở lứa tuổi 15-19 trên toàn quốc là 30‰, đã có xu hướng giảm so với năm 2019 (35‰ theo Tổng Điều tra Dân số và nhà ở). Tuy nhiên vẫn còn có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị. Tỷ suất sinh lứa tuổi 15-19 ở nông thôn là 37‰, hơn gấp 2 lần so với ở thành thị là 15‰. Nhìn chung, tỷ lệ sinh con trong lứa tuổi 15-19 ở phụ nữ khu vực nông thôn cao hơn rất nhiều so với khu vực thành thị (8.53% so với 2.27%). Các tỷ lệ này cao ở phụ nữ vùng Trung du và miền núi phía Bắc (15,12%) và Tây Nguyên (16,94%), nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống. Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, điều này có thể là do phụ nữ ở khu vực nông thôn không có nhiều cơ hội để theo học trình độ cao hơn như phụ nữ ở khu vực thành thị nên họ thường kết hôn và sinh con sớm hơn phụ nữ ở khu vực thành thị; hoặc có thể do phong tục, tập quán tại các vùng nông thôn vẫn còn hiện tượng tảo hôn nên dẫn đến phụ nữ ở khu vực nông thôn sinh con sớm, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

Hiện tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh đều thực hiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe đối với mọi người dân, không có sự phân biệt người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Theo cáo cáo từ các địa phương, hiện nay có 9 địa phương đã triển khai ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới.

5. Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai Quyết định số 4247/QĐ-BGDĐT phê duyệt Đề án “Đưa việc giảng dạy nội dung về giới, bình đẳng giới vào chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và trình độ đại học giai đoạn 2024 - 2030”.²⁶

²⁶ Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

Năm học 2023-2024, tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt 98,6%. Chỉ tiêu này vượt chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 và tiệm cận chỉ tiêu đến năm 2030. Năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 91,7%. Chỉ tiêu này vượt chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 và năm 2030.²⁷

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

Năm 2024, kết quả tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng đạt chỉ tiêu đề ra, ước tính đạt khoảng 530.000 người, trong đó tỷ lệ nữ chiếm khoảng 34%, tương đương với khoảng 180.000 người. Như vậy, chỉ tiêu này đã vượt mục tiêu đề ra đến năm 2025.²⁸

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2024 tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt 45,2% (tăng 1% so với năm 2019)²⁹. Số liệu về tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ chỉ được tính toán được từ Tổng điều tra dân số và nhà ở (thực hiện 10 năm/lần, số liệu năm 2019 là 28% và xu hướng tỉ lệ nữ tham gia các bậc học cao ngày càng tăng, khả năng các chỉ tiêu này sẽ đạt mục tiêu đề ra vào năm 2025 và 2030).

6. Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông

- Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.

Năm 2024, theo số liệu báo cáo từ các địa phương, hiện có khoảng 64,83% dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới. Như vậy chỉ tiêu này đã vượt so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 là 60%.

- Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.

²⁷ Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024

²⁸ Báo cáo của Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp

²⁹ Theo tính toán từ Điều tra dân số giữa kỳ năm 2024 của Tổng cục Thống kê

Năm 2024, theo số liệu báo cáo từ các địa phương, có khoảng 98,2% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới. Như vậy chỉ tiêu này tiệm cận với mục tiêu đề ra đến năm 2025.

- Chỉ tiêu 3. Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.

Năm 2024 có trên 95% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống đài truyền thanh xã (tăng gần 5% so với năm 2023).³⁰ Như vậy chỉ tiêu này cách mục tiêu đặt ra đến năm 2025 là 5%.

- Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hằng tháng.

Theo số liệu báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2024: 100% các Đài đài phát thanh và đài truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các chuyên mục, chương trình về phụ nữ và bình đẳng giới; 100% xã, phường, thị trấn các tỉnh, thành thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tuyên truyền về bình đẳng giới.³¹ Chỉ tiêu này đạt mục tiêu của Chiến lược đề ra.

(Phụ lục chi tiết kết quả thực hiện các chỉ tiêu kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tổng quan kết quả đạt được

a) Công tác chỉ đạo, điều hành

Lĩnh vực bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Quốc hội chú trọng việc thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và trong các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội thông qua. Chính phủ đã tích cực, chủ động chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án về bình đẳng giới. Các bộ, ngành, địa phương đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược, chương trình phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị.

b) Về tổ chức triển khai và kết quả thực hiện

- Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Các văn bản quy phạm pháp luật khi được xây dựng hoặc sửa đổi bổ sung đều được đánh giá tác động, thực hiện lồng ghép giới đối với những văn bản có vấn đề về giới.

³⁰ Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông

³¹ Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông

- Công tác truyền thông về bình đẳng giới tiếp tục được tăng cường với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ trung ương tới địa phương, góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi thái độ, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân về thực hiện bình đẳng giới. Các cơ quan, đơn vị khối doanh nghiệp, nam giới và thanh niên ngày càng tham gia tích cực hơn trong công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Các phương tiện truyền thông cũng được mở rộng, đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi trong truyền tải các thông điệp, hình ảnh về bình đẳng giới đến với cộng đồng.

- Có sự phối hợp giữa các cấp, ngành, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong việc thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, góp phần mở rộng, thu hút các nguồn lực, sáng kiến để thực hiện hiệu quả lĩnh vực công tác này.

- Các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từng bước phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ đối tượng.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới của Việt Nam đến nay đều có những tiến bộ so với các năm trước. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2024 của Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí 72/146 quốc gia (tăng 11 bậc so với năm 2022), trong đó các chỉ số về tham gia kinh tế và giáo dục của phụ nữ có những bước tiến bộ hơn.

- Phát triển vì con người, đảm bảo quyền con người là chủ trương nhất quán của Việt Nam. Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm đảm bảo tốt nhất quyền con người với cách tiếp cận toàn diện. Các nỗ lực, sáng kiến nhằm đảm bảo quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu, cũng như thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ đã được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Theo báo cáo toàn cầu về phát triển con người 2023/24 vừa được công bố, Việt Nam nằm trong nhóm nước có chỉ số phát triển con người cao, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ, tăng 8 bậc từ vị trí thứ 115 so với năm trước đó.

- Tính đến cuối năm 2024, đã có 13/20 chỉ tiêu đạt và vượt so với mục tiêu đề ra đến năm 2025, có 01/20 chỉ tiêu đạt 1 phần so với mục tiêu đề ra đến năm 2030, có 2 chỉ tiêu phần đầu đạt mục tiêu đến năm 2025, trong đó có 9 chỉ tiêu đạt kết quả tốt hơn so với năm 2023. Việc thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược sẽ đóng góp vào kết quả thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người cũng như các Mục tiêu phát triển bền vững mà Việt Nam tham gia.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp vẫn còn hạn chế về số lượng, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường luân chuyển, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai công tác bình đẳng giới.

- Nguồn kinh phí thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương cho công tác bình đẳng giới còn khiêm tốn, nhiều bộ ngành, địa phương chưa bố trí dòng ngân sách riêng, chưa đáp ứng việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chiến lược và các Chương trình.

- Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới vẫn còn gặp một số khó khăn do thiếu các công cụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thi hành pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về bình đẳng giới, thông tin về giới ở nhiều lĩnh vực còn thiếu và chưa đồng bộ. Một số chỉ tiêu của Chiến lược được thu thập, đánh giá thông qua các cuộc Tổng điều tra, khảo sát định kỳ 10 năm, 05 năm và 02 năm/lần nên khó khăn trong việc thu thập số liệu để báo cáo, đánh giá hằng năm. Một số bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện chính sách pháp luật và mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới còn chưa đảm bảo thời hạn, chưa đủ thông tin, nội dung theo yêu cầu.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội

- Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới tại các bộ, ngành, địa phương; quan tâm công tác thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tiếp tục quan tâm phê duyệt, phân bổ kinh phí hợp lý để thực hiện bình đẳng giới và các nội dung về bình đẳng giới trong các Chương trình, Kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình xem xét, thông qua ngân sách, các chương trình đầu tư công.

2. Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiếp tục tăng cường thực hiện các nhiệm vụ: Giám sát cũng như hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhất là tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan từ trung ương đến địa phương; truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; tăng cường phối hợp trong tham gia xây dựng và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bình đẳng giới; tăng cường vận động nguồn lực, phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Song song với việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Chiến lược, để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược nói riêng và mục tiêu bình đẳng giới nói chung, Chính phủ xác định một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới như sau:

1. Sớm thống nhất bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp, chú trọng bố trí đủ cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới, tiếp tục đào tạo, nâng cao năng lực để đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; trong đó tập trung rà soát, làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bình đẳng giới (sửa đổi);

3. Tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản, tài liệu Hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lồng ghép giới trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các chỉ tiêu còn đạt kết quả thấp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và mục tiêu số 5 của các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG). Sơ kết, đánh giá giữa kỳ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới vào cuối năm 2025. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026-2030. Kịp thời nhận diện các vấn đề giới mới nổi để có các giải pháp phù hợp, hiệu quả.

5. Lồng ghép Cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia trong Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia. Tăng cường hợp tác, cung cấp và chia sẻ dữ liệu thống kê giới, tổ chức khảo sát, nghiên cứu để có các số liệu phục vụ cho công tác thống kê, báo cáo về bình đẳng giới.

6. Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông đa phương tiện, đổi mới phương thức truyền thông, xây dựng các sản phẩm truyền thông sinh động, dễ hiểu và truyền tải đầy đủ các nội dung truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác truyền thông trong lĩnh vực bình đẳng giới.

7. Tiếp tục phát huy vai trò, nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế song phương, đa phương, đặc biệt là thực hiện tốt vai trò Thành viên Hội đồng Chấp hành Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ nhiệm kỳ 2025-2027 nhằm khẳng định vai trò, vị trí của Việt Nam trong lĩnh vực bình đẳng giới đối với quốc tế.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội; (5b)
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 34

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**



Đào Ngọc Dung

4	Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế	4.1. Tỷ số giới tính khi sinh	111/100	112/100	111,5/100	113,6/100	111,4 /100	Phấn đấu đạt mục tiêu vào năm 2025
		4.2. Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản	42/100.000	46/100.000 (Điều tra năm 2019)	46/100.000 (Điều tra năm 2019)	46/100.000 (Điều tra năm 2019)	43/100.000 (theo ước tính của Bộ Y tế)	Phấn đấu đạt mục tiêu vào năm 2025
		4.3. Tỷ suất sinh ở vị thành niên	18/1000	17,7‰	15,9‰	15,4‰		Năm 2024 chưa có thống kê riêng về tỷ suất sinh ở vị thành niên. Theo kết quả Điều tra Dân số giữa kỳ 2024, tỷ suất sinh ở lứa tuổi 15-19 trên toàn quốc là 30‰, giảm 5‰ so với năm 2019
		4.4. Số địa phương có cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới	40%	0	0	9/63 (14%)	9/63 (14%)	Số liệu từ báo cáo của địa phương
5	Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo	5.1. Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.				Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành và triển khai Đề án	Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành và triển khai Đề án	Đạt mục tiêu đến năm 2025
		5.2.1. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học	90%	94,1%	98%	96%	98,6%	Vượt chỉ tiêu đến năm 2025 và tiệm cận 2030
		5.2.2. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục cấp trung học cơ sở	85%	82,3%	89%	90%	91,7%	Vượt chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030

		5.3. Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	>30%	34,5%	-	41%	34%	Đạt
		5.4.1. Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ.	50%	44,2%	46% (Tính riêng trong ngành giáo dục)	47% (Tính riêng trong ngành giáo dục)	45,2%	Chưa đạt
		5.4.2. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ	30%	28%	38% (Tính riêng trong ngành giáo dục)	39% (Tính riêng trong ngành giáo dục)	-	Năm 2024 chưa có số liệu tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ (Điều tra giữa kỳ Dân số và nhà ở không đủ thông tin để tổng hợp, số liệu này chỉ tính toán được từ Tổng điều tra dân số và nhà ở (thực hiện 10 năm/lần, số liệu năm 2019 là 28%
6	Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông	6.1. Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới	60%	60%	50%	64,8%	64,83%	Vượt
		6.2. Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới	100%	100%	-	93,3%	98,2%	Chưa đạt
		6.3. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở	100%	-	-	90,8%	95%	Chưa đạt
		6.4. Tỷ lệ đài phát thanh và đài truyền hình ở địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng	100%	100%	-	100%	100%	Đạt

Ghi chú: "-" Không thu thập được số liệu thống kê.

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 102 /BC-CP ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Mục tiêu	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo kế hoạch đề ra đến năm 2025	Kết quả đạt được năm 2021	Kết quả đạt được năm 2022	Kết quả đạt được năm 2023	Kết quả đạt được năm 2024	Ghi chú
1	Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị	1.1. Tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ	60%	54,5%	15/30 (50%)	14/30 (46,67%)	14/30 (46,67%)	Chưa đạt
		1.1.1. Tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ có nữ lãnh đạo chủ chốt là nữ	60%	46,6%	13/22 (59%)	13/22 (59%)	13/22 (59%)	
		1.1.2. Tỷ lệ các cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ	60%	25%	-	1/8 (12,5%)	1/8 (12,5%)	
		1.2. Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ	60%	37,70%	-	47/63 (74,6%)	48/63 (76%)	Vượt mục tiêu đến năm 2025
		1.3. Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ;	60%	31,77%	-		44,69%	Chưa đạt
		1.4. Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ;	60%	24,94%	-		47,54%	Chưa đạt
2	Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động	2.1. Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	50%	43,4%	49,04%	50,09%	50,09%	Vượt mục tiêu đến năm 2025
		2.2. Tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm	Dưới 30%	28,7%	28,45%	26,22%	25,5%	Đạt mục tiêu đến năm 2025

		2.3. Tỷ lệ nữ giám đốc/ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã	27%	27,2%	28,2% (số liệu điều tra năm 2021)	28,2% (số liệu điều tra năm 2021)	28,2% (số liệu điều tra năm 2021)	Đạt mục tiêu đến năm 2025
3	Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	3.1. Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ so với nam giới	1,7	1,96h/ngày (gấp 1,94 lần so với nam giới)	2,34h/ngày (gấp 1,78 lần so với nam giới)	2,3h/ngày (gấp 1,8 lần so với nam giới)	2,2h/ngày (gấp 1,8 lần so với nam giới)	Chưa đạt
		3.2.1 Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản trong năm	80%	-	97,07% (Tính chung tất cả các biện pháp hỗ trợ)	74,6% (Tính riêng biện pháp hỗ trợ tư vấn)	100%	Đạt mục tiêu đến năm 2025
		3.2.2. Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.	50%	-	74,3%	100% (Theo báo cáo của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch)	81,07% (Theo tổng hợp từ số liệu báo cáo của địa phương)	Đạt
		3.3. Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt
		3.4. Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	70%	-	100%	100%	100%	Vượt

Phụ lục II
DANH SÁCH BỘ, NGÀNH GỬI BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 10/L/BC-CP ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên cơ quan	Ngày phát hành Báo cáo	Đúng hạn	Quá hạn	Ghi chú
1	Bộ Công an	Báo cáo số 34/BC-BCA-X03 ngày 09/01/2025	X		
2	Bộ Quốc phòng	Báo cáo số 188/BC-VSTBPN ngày 13/01/2024	X		
3	Bộ Nội vụ	Báo cáo số 714/BNV-VTCCB ngày 24/01/2025		X	
4	Bộ Ngoại giao	Báo cáo số 424/BNG-TCCB Ngày 24 tháng 01 năm 2025		X	
5	Bộ Tư pháp	Báo cáo VSTBPN số 614/BC-VSTBPN ngày 31/12/2024	X		
6	Bộ Tài chính				Chưa gửi Báo cáo
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo số 426/BKHĐT-LDVX ngày 10 tháng 02 năm 2025		X	Chưa đủ số liệu
8	Bộ Công thương				Chưa gửi Báo cáo
9	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Báo cáo số 690/BC-BNN-TCCB ngày 23/01/2025		X	
10	Bộ Giao thông vận tải	Báo cáo số 01/BC-BGTVT ngày 17/01/2025		X	
11	Bộ Xây dựng	Báo cáo số 19/BC-BXD ngày 23 tháng 01 năm 2025		X	
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo số 24/BC-BXD ngày 07 tháng 02 năm 2025		X	
13	Bộ Thông tin và truyền thông	Báo cáo số 07/BC-BTTTT ngày 26/01/2025		X	
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã gửi dự thảo		X	Chưa đủ số liệu
15	Bộ Khoa học công nghệ	Báo cáo số 273/BC-BKHCN ngày 23/01/2025		X	

16	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo số 549 /BGDDT-NGCBQLGD ngày 11 tháng 02 năm 2025		X	
17	Bộ Y tế			X	
18	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		X		
CƠ QUAN NGANG BỘ					
1	Văn phòng Chính phủ	Báo cáo số 775/BC-VPCP ngày 28/01/2025		X	
2	Thanh tra Chính phủ	Báo cáo số 187/BC-TTCP ngày 14/02/2025		X	
3	Ngân hàng nhà nước	Báo cáo số 12/BC-NHNN ngày 16/01/2025	X		
4	Ủy ban Dân tộc	Báo cáo số 82/BC-UBDT ngày 16/01/2025	X		
CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ					
1	Đài Tiếng nói Việt Nam				Chưa gửi Báo cáo
2	Đài Truyền hình Việt Nam	Báo cáo số 07/ BC-THVN ngày 24/01/2025		X	
3	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh				Chưa gửi Báo cáo
4	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Báo cáo số 4960/BC-BHXH Ngày 31/12/2024	X		
5	Thông tấn xã Việt Nam	Báo cáo số 63/BC-TTX ngày 16/01/2025	X		
6	Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam	Báo cáo số 148/BC-VHL ngày 20/01/2025		X	
7	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Báo cáo số 92/BC-KHXH ngày 17/01/2025		X	
8	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp				Chưa gửi Báo cáo

Phụ lục

DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GỬI BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 102/BC-CP ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên tỉnh	Đã gửi văn bản	Quá hạn	Đúng hạn	Ghi chú
1	An Giang	Báo cáo số 128/BC-BVSTBPN-BĐG Ngày 10/01/2025		1	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo số 44/BC-SLĐT BXH Ngày 20/01/2025	1		
3	Bắc Giang				Chưa gửi Báo cáo
4	Bắc Kạn	Báo cáo số 3312/BC-SLĐT BXH Ngày 27/12/2024		1	Chưa đủ chỉ số 1 và 2 trong mục tiêu 6
5	Bạc Liêu	Báo cáo số 524/BC-UBND Ngày 19/12/2024		1	
6	Bắc Ninh				Chưa gửi Báo cáo
7	Bến Tre	Báo cáo số 5640/BC-SLĐT BXH ngày 25/12/2024		1	
8	Bình Định	Báo cáo số 4402/BC-SLĐT BXH Ngày 17/12/2024		1	
9	Bình Dương	Báo cáo số 415/BC-SLĐT BXH Ngày 24/12/2024		1	
10	Bình Phước				Chưa gửi Báo cáo
11	Bình Thuận	Báo cáo số: 18/BC-SLĐT BXH ngày 23/1/2024	1		
12	Cà Mau	Báo cáo số: 31/BC-SLĐT BXH ngày 20/1/2024	1		
13	Cao Bằng	Báo cáo Số: 69/BC-SLĐT BXH Ngày 13/01/2025		1	
14	Đắk Lắk	Báo cáo số 367/BC-SLĐT BXH Ngày 25/12/2024		1	
15	Đắk Nông	Báo cáo số 10/BC-SLĐT BXH Ngày 13/01/2025		1	

16	Điện Biên				Chưa gửi Báo cáo
17	Đồng Nai	Báo cáo số 45/BC-SLĐTBXH Ngày 24/1/2025		1	
18	Đồng Tháp	Báo cáo số 12/BC-BVSTBPN Ngày 08/01/2025	1		
19	Gia Lai				Chưa gửi Báo cáo
20	Hà Giang	Báo cáo số 541/BC-BLĐTBXH Ngày 10/12/2024	1		
21	Hà Nam				Chưa gửi Báo cáo
22	Hà Tĩnh	Báo cáo số 08/BC-SLĐTBXH Ngày 17/1/2025		1	
23	Hải Dương	Báo cáo 7280/BC-SLĐTBXH Ngày 16/12/2025	1		
24	Hậu Giang	Báo cáo 358/BC-SLĐTBXH Ngày 27/12/2024	1		
25	Hòa Bình	Báo cáo số 451/BC-SLĐTBXH Ngày 30/1/2025	1		
26	Hung Yên				Chưa gửi Báo cáo
27	Khánh Hòa	Báo cáo số 351/BC-SLĐTBXH Ngày 12/12/2024		1	Thiếu số liệu
28	Kiên Giang	Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 23/01/2025	1		
29	Kon Tum	Báo cáo số 16/BC-SLĐTBXH ngày 17/01/2025	1		
30	Lai Châu	Báo cáo số 2367/BC-SLĐTBXH Ngày 31/12/2024		1	Thiếu nguồn kinh phí hoạt động và hoạt động thanh tra
31	Lâm Đồng				Chưa gửi Báo cáo
32	Lạng Sơn	Báo cáo số 35/BC-SLĐTBXH ngày 21/01/2025	1		
33	Lào Cai	Báo cáo số 500/BC-SLĐTBXH ngày 25/12/2024		1	chưa có số liệu về thanh tra kiểm tra

34	Long An	Báo cáo số 480/BC-SLĐTBXH ngày 22/1/2025	1		
35	Nam Định				Chưa gửi Báo cáo
36	Nghệ An	Báo cáo số 34/BC-SLĐTBXH ngày 16/1/2025		1	
37	Ninh Bình	Báo cáo số 343/BC-BVSTBPN Ngày 19/12/2024		1	
38	Ninh Thuận	Báo cáo Số: 23/BC-SLĐTBXH Ngày 14/01/2025		1	
39	Phú Thọ				Chưa gửi Báo cáo
40	Quảng Bình				Chưa gửi Báo cáo
41	Quảng Nam	Báo cáo số 12/BC-SLĐTBXH Ngày 21/01/2025	1		
42	Quảng Ngãi	báo cáo số 402/BC-SLĐTBXH Ngày 06/12/2024		1	
43	Quảng Ninh	Báo cáo số 526/BC- LĐTBXH Ngày 13/12/2024		1	Chưa có số liệu thống kê mục tiêu 3
44	Quảng Trị	Báo cáo số 189/BC-SLĐTBXH Ngày 16/01/2025		1	
45	Sóc Trăng				Chưa gửi Báo cáo
46	Son La	Báo cáo số 718/BC-SLĐTBXH Ngày 30/12/2024		1	Thiếu số liệu CLQG
47	Tây Ninh				Chưa gửi Báo cáo
48	Thái Bình	Báo cáo số: 21/BC-SLĐTBXH Ngày 15/01/2025		1	
49	Thái Nguyên	Báo cáo số : 76/BC-SLĐTBXH ngày 15/1/2025		1	
50	Thanh Hóa	Báo cáo số 305/BC-SLĐTBXH ngày 26/12/2024		1	
51	Thừa Thiên Huế	Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 20/01/2025	1		

52	Tiền Giang				Chưa gửi Báo cáo
53	Trà Vinh	Báo cáo số 56/BC-BVSTBPN Ngày 30/12/2024		1	
54	Tuyên Quang	Báo cáo số 516/BC-BVSTBPN Ngày 29/12/2024		1	
55	Vĩnh Long	04/BCĐ ngày 24/01/2025	1		
56	Vĩnh Phúc				Chưa gửi Báo cáo
57	Yên Bái	Báo cáo số 567/BC-BVSTBPN Ngày 30/12/2024		1	Chưa có số liệu về nguồn kinh phí
58	Phú Yên	Báo cáo số 271/BC-SLĐTBXH Ngày 30/12/2024		1	
59	Cần Thơ	Báo cáo số 260/BC-SLĐTBXH ngày 15/01/2025		1	
60	Đà Nẵng				Chưa gửi Báo cáo
61	Hải Phòng	Báo cáo số 380/BC-SLĐTBXH Ngày 20/10/2024		1	
62	Hà Nội	Báo cáo số 4763/BC-SLĐTBXH Ngày 13/12/2024		1	
63	TP HCM	Báo cáo số 37/BC- VSTBPN&BDG Ngày 10/12/2024		1	